

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2016

## **BÁO CÁO**

### **Về công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI Năm tài chính từ 01/01/2015 đến 31/12/2015**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm soát xin báo cáo kết quả công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hoặc “PVIRE”) cho năm tài chính từ 01/01/2015 đến 31/12/2015 như sau:

#### **PHẦN I: Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)**

Năm 2015, BKS đã tiến hành các công việc giám sát việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của PVIRE; thẩm định báo cáo tài chính và báo cáo tình hình kinh doanh của PVIRE theo kế hoạch hoạt động hàng năm của BKS. BKS thương xuyên đánh giá, phân tích các báo cáo từ các ban nghiệp vụ và trực tiếp kiểm tra một số hồ sơ tài liệu liên quan.

Nội dung kiểm tra giám sát của BKS trong năm tài chính 2015 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGĐ).
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông; Nghị quyết Hội đồng Quản trị và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT.
- Giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVIRE.
- Giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm; Thẩm định Báo cáo Tài chính; Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính Quý I,II,III,IV và cả năm 2015.

Trong quá trình hoạt động giám sát cũng như sau mỗi quý, BKS đều có các ý kiến đánh giá, phân tích và đưa ra các kiến nghị trong công tác điều hành kinh doanh và quản lý của PVIRE nhằm khắc phục các tồn tại đảm bảo công tác kinh doanh của PVIRE đạt hiệu quả cao nhất.

#### **PHẦN II: Tổng hợp các báo cáo kiểm tra giám sát trong kỳ**

##### **A. Tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính**

BKS đánh giá PVIRE đã thực hiện việc tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của PVIRE được lập vào ngày 31/12/2015 và được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định về kế toán khác tại Việt Nam.

## I. Cơ cấu vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị: triệu đồng

TÀI SẢN	31/12/2014	31/12/2015	Tăng/ giảm	%Tăng/ Giảm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	3.527.698	3.367.742	(159.955)	-5%
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	39.039	91.263	52.225	134%
1. Tiền	29.039	91.263	62.225	214%
2. Các khoản tương đương tiền	10.000		(10.000)	-100%
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	1.285.835	1.126.840	(158.995)	-12%
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	380.736	567.628	186.892	49%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	383.505	569.698	186.193	49%
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	339.713	538.274	198.561	58%
1.2. Phải thu khác của khách hàng	43.792	31.424	(12.368)	-28%
2. Phải thu ngắn hạn khác	198	809	611	308%
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.967)	(2.878)	89	-3%
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	128.932	151.464	22.533	17%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	128.802	151.442	22.640	18%
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	128.337	151.195	22.859	18%
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	465	247	(219)	-47%
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	116	23	(93)	-81%
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	14		(14)	-100%
<b>VI. Tài sản tái bảo hiểm</b>	1.693.156	1.430.547	(262.609)	-16%
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	564.103	566.817	2.714	0%
2. Dự phòng bồi thường nhượng TBH	1.129.053	863.730	(265.323)	-23%
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	55.482	145.027	89.544	161%
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	8.000	8.000		0%
<b>II. Tài sản cố định</b>	7.835	9.216	1.381	18%
1. Tài sản cố định hữu hình	3.316	2.622	(693)	-21%
- Nguyên giá	6.611	7.096	485	7%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.295)	(4.474)	(1.179)	36%
3. Tài sản cố định vô hình	4.520	6.594	2.074	46%
- Nguyên giá	7.114	12.074	4.960	70%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.594)	(5.479)	(2.886)	111%
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	20.000	107.000	87.000	435%
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	19.647	20.810	1.163	6%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>3.583.180</b>	<b>3.512.769</b>	<b>(70.411)</b>	<b>-2%</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	2.849.016	2.768.047	(80.969)	-3%
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	2.849.016	2.768.047	(80.969)	-3%
1. Phải trả cho người bán	571.927	640.841	68.913	12%
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	550.644	624.406	73.762	13%
1.2. Phải trả khác cho người bán	21.283	16.435	(4.849)	-23%
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.769	8.599	(2.170)	-20%
3. Phải trả người lao động	7.723	5.499	(2.224)	-29%
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	107.778	127.429	19.651	18%
4.1 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	104.356	120.956	16.600	16%
5. Phải trả ngắn hạn khác	107.778	6.473	(101.305)	-94%
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	290	290	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	778	1.889	1.112	143%
8. Dự phòng nghiệp vụ	2.150.042	1.983.500	(166.542)	-8%
8.1 Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	759.584	790.295	30.712	4%

TÀI SẢN	31/12/2014	31/12/2015	Tăng/	%Tăng/
8.2. Dự phòng bồi thường nhận TBH	1.363.987	1.152.558	(211.429)	-16%
8.3. Dự phòng dao động lớn	26.471	40.647	14.175	54%
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>734.163</b>	<b>744.722</b>	<b>10.559</b>	<b>1%</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>734.163</b>	<b>744.722</b>	<b>10.559</b>	<b>1%</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	668.000	668.000		0%
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	668.000	668.000		0%
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.609	6.113	2.504	69%
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	8.807	14.821	6.013	68%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	53.747	55.788	2.041	4%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.583.180</b>	<b>3.512.769</b>	<b>(70.411)</b>	<b>-2%</b>

### Về quy mô Tổng tài sản và tốc độ tăng trưởng

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2015 của PVIRE đạt 3.512 tỷ đồng, giảm 70,4 tỷ đồng (tương ứng giảm 2%) so với tại thời điểm 31/12/2014. Có sự thay đổi này là do năm 2015 dự phòng bồi thường nhượng TBH giảm 265,3 tỷ tương đương giảm 23%.

Ngoài các khoản mục thay đổi lớn so với thời điểm 31/12/ 2014, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 52,2 tỷ tương đương tăng 134%; phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 186,9 tỷ, tương đương tăng 49%; tài sản ngắn hạn tăng 22,5 tỷ, tương đương tăng 17%; tài sản TBH giảm 262,6 tỷ đồng tương đương giảm 16%.

Các khoản mục nợ phải trả có thay đổi không đáng kể so với thời điểm 31/12/2014, giảm 80,9 tỷ tương đương giảm 3%.

### Về cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn

Trong tổng tài sản của PVIRE tại ngày 31/12/2015, chiếm tỷ trọng lớn nhất là các khoản Tài sản tái bảo hiểm, tương đương 40,7%, tiếp đến là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, tương đương 32%, và các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 16,1%. Tài sản ngắn hạn chiếm đến hơn 95,8% tổng tài sản, trong khi tài sản dài hạn chỉ chiếm 4,1%.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2015 là 21,2%, các khoản nợ phải trả chiếm 78,8%.

Đơn vị: triệu đồng

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	12/31/2014	12/31/2015	Tăng/giảm
	Giá gốc VND	Giá gốc VND	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.305.835	1.143.840	(161.995)
a, Ngắn hạn	1.285.835	1.126.840	(158.995)
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.285.835	1.126.840	(158.995)
b, Dài hạn	20.000	17.000	(3.000)
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	20.000	17.000	(3.000)
Đầu tư khác	-	90.000	90.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.305.835</b>	<b>1.233.840</b>	<b>(71.995)</b>

## II. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng giảm	% Tăng giảm
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu phí, hoa hồng, bồi thường và khác	1.070.135	728.765	(341.370)	-32%

2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	1.139	1.817	678	60%
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4.449	9.246	4.797	108%
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	(82.769)	(155.297)	(72.528)	88%
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	(599.435)	(500.127)	99.308	-17%
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(38.653)	(21.866)	16.787	-43%
7. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	(13.560)	(15.261)	(1.701)	13%
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	(28.826)	(38.546)	(9.720)	34%
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	(1.325)	(3.097)	(1.772)	134%
10. Tiền tạm ứng cho các cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	(1.545)	(8.171)	(6.626)	429%
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>309.609</b>	<b>(2.538)</b>	<b>(312.147)</b>	<b>-101%</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	1.011.980	1.517.235	505.255	50%
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	79.365	93.363	13.998	18%
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	24		(24)	-100%
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	(1.665.320)	(1.445.240)	220.080	-13%
5. Tiền mua tài sản cố định	(2.249)	(3.252)	(1.003)	45%
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(576.200)</b>	<b>162.106</b>	<b>738.306</b>	<b>-128%</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu do đi vay		5.000	5.000	
2. Tiền đã trả nợ vay		(5.000)	(5.000)	
3. Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư vào doanh nghiệp	(53.542)	(107.344)	(53.802)	100%
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(53.542)</b>	<b>(107.344)</b>	<b>(53.802)</b>	<b>100%</b>
<b>Lưu chuyển thuần trong năm</b>	<b>(320.133)</b>	<b>52.224</b>	<b>372.357</b>	<b>-116%</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>359.172</b>	<b>39.039</b>	<b>(320.133)</b>	<b>-89%</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>39.039</b>	<b>91.263</b>	<b>52.224</b>	<b>134%</b>

Tiền thu phí, hoa hồng, bồi thường và khác giảm hơn 341 tỷ đồng so với năm 2014, tương đương giảm 32%, trong khi chi bồi thường bảo hiểm tăng hơn 72 tỷ đồng, tương đương tăng 88% so với cùng kỳ năm 2014, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 2,5 tỷ đồng.

### III. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh qua các chỉ tiêu tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31.12.14	31.12.15	Tăng giảm	% so với cùng kỳ 2014
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm</b>	1.542.806	1.578.555	35.749	102%
Trong đó:	-	-	-	
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.625.327	1.609.267	(16.060)	99%
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	82.521	30.712	(51.809)	37%
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm</b>	1.189.991	1.134.041	(55.950)	95%
Trong đó:	-	-	-	
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.193.133	1.136.755	(56.378)	95%
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	3.142	2.714	(428)	86%
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần</b>	352.815	444.514	91.699	126%

Chỉ tiêu	31.12.14	31.12.15	Tăng giảm	% so với cùng kỳ 2014
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh TBH</b>	144.409	226.236	81.827	157%
Trong đó:	-	-	-	
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	120.850	211.470	90.620	175%
- Doanh thu khác hoạt động KDBH	23.559	14.766	(8.793)	63%
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động KDBH</b>	497.224	670.750	173.526	135%
<b>6. Chi bồi thường</b>	429.700	783.621	353.921	182%
Trong đó:	-	-	-	
- Tổng chi bồi thường	429.700	783.621	353.921	182%
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	-	-	-	
<b>7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	315.113	596.070	280.957	189%
<b>8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhận TBH</b>	1.002.010	(211.429)	(1.213.439)	-21%
<b>9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</b>	900.736	(265.323)	(1.166.059)	-29%
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm</b>	215.861	241.444	25.583	112%
<b>11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn</b>	12.966	14.175	1.210	109%
<b>12 Chi phí khác hoạt động kinh doanh BH</b>	209.801	312.481	102.680	149%
Trong đó:	-	-	-	
- Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	164.570	277.301	112.731	169%
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh TBH	45.231	35.180	(10.051)	78%
<b>13. Tổng chi phí hoạt động KDBH</b>	438.628	568.101	129.473	130%
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động KDBH</b>	58.596	102.649	44.053	175%
<b>18. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	113.505	119.503	5.998	105%
<b>19. Chi phí hoạt động tài chính</b>	28.926	42.599	13.673	147%
<b>20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính</b>	84.580	76.905	(7.675)	91%
<b>21. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	24.740	25.452	712	103%
<b>22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD</b>	118.436	154.101	35.666	130%
<b>23. Thu nhập khác</b>	704		(704)	0%
<b>24. Chi phí khác</b>	53		(53)	0%
<b>25. Lợi nhuận khác</b>	651		(651)	0%
<b>26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	119.086	154.101	35.015	129%
26.1 Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận chịu thuế	(762)	(15.920)	(15.158)	2090%
26.2 Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	118.325	138.182	19.857	117%
<b>27. Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	26.141	30.400	4.259	116%
<b>29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	92.946	123.701	30.756	133%

Trong cả năm 2015, lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty đạt 154,1 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu trong năm 2015 tăng 71,765 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương đương 3,8%; doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tăng 173,526 tỷ, tương đương tăng 35%, trong đó doanh thu phí bảo hiểm thuần tăng 91,699 tỷ đồng, tương đương tăng 26%.

Chi phí hoạt động kinh doanh TBH tăng 129,473 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương đương tăng 30%, tổng chi bồi thường bảo hiểm cao hơn 25,583 tỷ đồng, tương đương tăng 12%.

Lợi nhuận hoạt động tài chính giảm 7,675 tỷ đồng, tương đương giảm 9%.

Các chỉ số hoạt động kinh doanh chính:

Chỉ tiêu tài chính	2014	2015
Tỷ lệ tổn thất %	60,80%	56,66%
Tỷ lệ chi phí %	30,21%	27,54%
<b>Tỷ lệ chi phí gộp %</b>	<b>91,00%</b>	<b>83,19%</b>
<b>LN/VCSH % (bình quân năm)</b>	<b>13,05%</b>	<b>16,78%</b>
<b>LN HĐTC/VCSH% (bình quân năm)</b>	<b>11,87%</b>	<b>10,40%</b>

#### IV. Phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

##### 1. Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm năm 2015 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	2014	2015	Tăng/(giảm)	%
Thu phí nhận TBH	1.625.327	1.609.267	-16.060	99%
Chuyển phí nhượng TBH và giảm trừ khác	-1.193.133	-1.136.755	56.378	95%
<b>DT phí giữ lại thuần</b>	<b>432.194</b>	<b>472.512</b>	<b>40.318</b>	<b>109%</b>
Thu hoa hồng nhượng TBH	120.850	211.470	90.620	175%
Chi hoa hồng nhận TBH	-164.570	-277.301	-112.731	169%
<b>Thu/(chi) thuần hoa hồng TBH</b>	<b>-43.720</b>	<b>-65.831</b>	<b>-22.111</b>	<b>151%</b>
Chi bồi thường nhận TBH	-429.700	-783.621	-353.921	182%
Thu bồi thường nhượng tái	315.113	596.070	280.957	189%
<b>BT thuộc trách nhiệm giữ lại</b>	<b>-114.587</b>	<b>-187.551</b>	<b>-72.964</b>	<b>164%</b>
Thu khác hoạt động TBH	23.559	14.766	-8.793	63%
Chi khác hoạt động TBH	-45.231	-35.180	10.051	78%
<b>Thu/(chi) thuần khác TBH</b>	<b>-21.672</b>	<b>-20.414</b>	<b>1.258</b>	<b>94%</b>
(Tăng)/giảm DP phí	-79.379	-27.998	51.381	35%
(Tăng)/giảm DP bồi thường	-101.274	53.894	47.380	53%
(Tăng)/giảm DP dao động lớn	-12.966	-14.175	-1.209	109%
<b>Chi phí dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>-193.619</b>	<b>-96.067</b>	<b>97.552</b>	<b>50%</b>
<b>Lợi nhuận gộp KD TBH</b>	<b>58.596</b>	<b>102.649</b>	<b>44.053</b>	<b>175%</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-24.740</b>	<b>-25.452</b>	<b>-712</b>	<b>103%</b>
<b>Lãi/ (lỗ) thuần từ KD TBH</b>	<b>33.856</b>	<b>77.197</b>	<b>43.341</b>	<b>228%</b>

##### 2. Hoạt động tài chính

Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính toàn bộ liên quan đến hoạt động tiền gửi ngân hàng và lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi tiết như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng/(giảm)	%
Doanh thu hoạt động tài chính	113.505	119.503	5.998	105%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	377	254	-123	67%
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	84.417	79.124	-5.293	94%
Lãi do chênh lệch tỷ giá	28.711	34.013	5.302	118%

<i>CLTG do ĐG lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	0	6.113	6.113	
Chi phí hoạt động tài chính	28.926	42.599	13.673	147%
<i>Lỗ do chênh lệch tỷ giá</i>	23.197	31.438	8.241	136%
<i>Chi phí khác</i>	5.729	11.130	5.401	194%
<i>chi phí lãi vay</i>	0	30	30	
<b>Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>84.580</b>	<b>76.904</b>	<b>-7.676</b>	<b>91%</b>

### 3. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp 2015 so với năm 2014 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng/(giảm)	%
Chi phí nhân viên quản lý	12.739	9.100	-3.639	71%
Chi phí văn phòng	2.477	1.715	-762	69%
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.454	4.064	1.610	166%
Chi đào tạo	19	20	1	105%
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	1.541	2.424	883	157%
Chi phí dự phòng	-1.169	-89	1.080	8%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.782	6.665	883	115%
Chi hội nghị, giao dịch, quảng cáo	654	685	31	105%
Chi quản lý khác	243	887	644	365%
<b>Tổng</b>	<b>24.740</b>	<b>25.471</b>	<b>731</b>	<b>103%</b>

## B. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

### I. Thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của HĐQT và Ban TGD

HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện đúng Điều lệ và Quy chế của PVIRE, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Chỉ thị, cũng như các định hướng chiến lược của Công ty Cổ phần PVI.

Thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cả năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2015:

	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
<b>A</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.741.173</b>	<b>1.924.294</b>	<b>111%</b>
1	Doanh thu nhận TBH	1.429.857	1.578.555	110%
2	Hoa hồng nhượng TBH	202.316	211.470	105%
3	Thu khác từ hoạt động TBH	10.000	14.766	148%
4	Doanh thu đầu tư tài chính	99.000	119.503	121%
5	Thu khác	-		
<b>B</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.586.980</b>	<b>1.770.193</b>	<b>112%</b>
1	Chi phí hoạt động TBH	1.567.980	1.727.594	110%
2	Chi phí đầu tư tài chính	19.000	42.599	224%
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>154.192</b>	<b>154.101</b>	<b>100%</b>
1	Lợi nhuận kinh doanh TBH	74.192	77.197	104%
2	Lợi nhuận tài chính	80.000	76.904	96%
<b>D</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>120.270</b>	<b>123.701</b>	<b>103%</b>
<b>E</b>	<b>Tỷ lệ chi trả cổ tức</b>	<b>14%</b>	<b>14%</b>	<b>100%</b>

Năm 2015, PVIRe đã hoàn thành các công việc trọng tâm như:

- Hoàn thành vượt mức các mục tiêu doanh thu và lợi nhuận, kinh doanh hiệu quả; tổng doanh thu đạt 1.924 tỷ đạt 111% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 154,1 tỷ đạt 100% kế hoạch.
- Hoàn thành công tác kiện toàn mô hình quản trị doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và cán bộ quản lý, đảm bảo bộ máy vận hành tốt và hiệu quả.
- Hệ thống Quản lý nghiệp vụ được nâng cấp, hỗ trợ tích cực cho công tác quản trị và kinh doanh.

## **II. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Kiểm soát viên với HĐQT/HĐTV, Ban TGD và các cán bộ quản lý**

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã nhận được sự hợp tác tốt từ HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

### **C. Kiến nghị của Ban kiểm soát**

Trong năm 2016 để thực hiện được mục tiêu phát triển PVIRe và nhằm bảo toàn nguồn vốn trong bối cảnh thị trường khó khăn này, BKS đề nghị:

- Quản lý chặt chẽ dòng tiền và công nợ. PVIRe phải tích cực thu đòi công nợ hơn nữa, tăng hiệu quả kinh doanh, và tạo thêm nguồn vốn cho hoạt động đầu tư. Tăng cường công tác quản lý, rà soát lại quy trình thu đòi công nợ, khắc phục nguyên nhân và giảm tỷ lệ nợ ngắn hạn.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**